

Bản án số: 523/2022/DS-ST
Ngày: 29-09-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Tốt
- Ông Nguyễn Văn Quân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Thành Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 180/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 765/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 893/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A;

Địa chỉ: 442 đường N, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Minh T, sinh năm: 1978;

Địa chỉ liên lạc: Lầu 8, Tòa nhà A, 444A-446 đường C, Phường Z, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Việt D, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: 58/2 đường H, khu phố 3A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, cùng các lời khai trong hồ sơ vụ án đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A trình bày:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần A (sau đây gọi là ngân hàng) cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Việt D căn cứ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của

ông Nguyễn Việt D ký ngày 10/01/2020, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, các văn bản khác của ông D ký với ngân hàng về việc sử dụng thẻ tín dụng. Chi tiết như sau: Số thẻ tín dụng: 43659990***9711, ngày cấp 15/01/2020, loại thẻ: Visa Signature (thẻ tín dụng quốc tế), hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng, hiệu lực thẻ: tháng 01/2023, lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng.

- Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông D đã không thanh toán đầy đủ cho ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 22/02/2021 ngân hàng đã chuyển khoản nợ thẻ sang nợ quá hạn, đồng thời quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn nợ thẻ chưa thanh toán của ông D. Ngày 28/10/2021 ngân hàng ra thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ tín dụng nêu trên.

- Tính đến ngày 02/12/2021 ông D còn nợ ngân hàng các khoản sau: vốn gốc là 99.381.188 đồng, lãi quá hạn là 31.207.055 đồng, tổng cộng: 130.588.243 đồng.

- Tính đến ngày 29/9/2022 ông D còn nợ ngân hàng các khoản sau: vốn gốc là 99.381.188 đồng, lãi quá hạn là 54.275.792 đồng, tổng cộng: 153.656.980 đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Việt D trả cho ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 29/9/2022 là 153.656.980 đồng.

- Ông Nguyễn Việt D còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần A tính từ ngày 30/9/2022 đến ngày trả hết nợ. Thứ tự trả nợ: vốn gốc, lãi quá hạn.

Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập các đương sự để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn liên tục vắng mặt và Tòa án không nhận được bất kỳ văn bản nào ghi nhận ý kiến, yêu cầu của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, vụ án không tiến hành hòa giải được nên đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Việt D phải trả tiền nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông Nguyễn Việt D ký ngày 10/01/2020, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần A. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

Ngày 10/01/2020 ông Nguyễn Việt D có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, có cung cấp cho ngân hàng giấy tờ nhân thân thể hiện nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 58/2 đường H, khu phố 3A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong đơn khởi kiện ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông Nguyễn Việt D tại địa chỉ 58/2 đường H, khu phố 3A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả xác minh của Công an phường T, Quận A thì: Ông Nguyễn Việt D có đăng ký thường trú tại 58/2 đường H, khu phố 3A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã bán nhà đi khỏi địa phương, hiện không rõ nơi cư ngụ hiện tại của ông Nguyễn Việt D.

Như vậy, ông Nguyễn Việt D thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú, trốn tránh nghĩa vụ đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A do đó Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về hợp đồng tín dụng:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông Nguyễn Việt D ký ngày 10/01/2020, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần A của ông D ký với ngân hàng thể hiện ông D có sử dụng thẻ tín dụng, số thẻ tín dụng: 43659990***9711, ngày cấp 15/01/2020, loại thẻ: Visa Signature (thẻ tín dụng quốc tế), hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng, hiệu lực thẻ: tháng 01/2023, lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng.

Nguyên đơn và ông D giao kết hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ theo quy định tại các Điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự năm

2015; Điều 91, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng thì hợp đồng tín dụng nêu trên là hợp pháp, phù hợp về hình thức và nội dung, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên theo nội dung các bên thỏa thuận.

Bị đơn ông Nguyễn Việt D được Thừa phát lại niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, niêm yết 02 (hai) lần Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không đến tòa để trình bày, cung cấp chứng cứ. Do đó, việc ông không đến tòa tức tự khước từ quyền được trình bày những lý lẽ, khước từ quyền được tiếp cận công khai chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không thực hiện nghĩa vụ giao nộp tài liệu chứng cứ (nếu có) để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định pháp luật.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chỉ xem xét và mặc nhiên công nhận lời khai và các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình.

[3.2] Về số tiền nợ của thẻ tín dụng:

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng số: 43659990***9711, ngày cấp 15/01/2020, ông Nguyễn Việt D đã sử dụng số tiền như sau: Tổng số tiền giao dịch thanh toán bằng thẻ là: 394.800.000 đồng, tổng số tiền ông D đã trả là: 320.894.565 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông D đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A theo thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 22/02/2021 ngân hàng đã chuyển khoản nợ thẻ sang nợ quá hạn, đồng thời quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn nợ thẻ chưa thanh toán của ông D. Tính đến ngày 22/02/2021 ông D còn nợ ngân hàng số tiền là: 99.381.188 đồng.

Tính đến ngày 29/9/2022, ông D còn nợ tiền lãi quá hạn là 54.275.792 đồng. Căn cứ theo Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Xét thấy Ngân hàng Thương mại cổ phần A áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn 40.5%/năm (tương đương 150% lãi suất cho vay) là phù hợp với nội dung thỏa thuận giữa các bên và với quy định của pháp luật nên việc ngân hàng yêu cầu ông D thanh toán các khoản tiền lãi trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngân hàng Thương mại cổ phần A yêu cầu ông D phải thanh toán một lần số tiền gốc và lãi 153.656.980 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/9/2022 cho đến khi trả dứt nợ gốc và tiền lãi theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần A là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 đề nghị Hội đồng xét xử chấp thuận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí là 3.264.706 (ba triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm lẻ sáu) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0023149 ngày 12/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Nguyễn Việt D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.682.849 (bảy triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi chín) đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Buộc ông Nguyễn Việt D phải thanh toán một lần cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền còn nợ tính đến ngày 29/9/2022 là: 153.656.980 (một trăm năm mươi ba triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi) đồng, trong đó: nợ gốc: 99.381.188 (chín mươi chín triệu ba trăm tám mươi một nghìn một trăm tám mươi tám) đồng, nợ lãi quá hạn: 54.275.792 (năm mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi hai) đồng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Việc giao nhận tiền do các bên đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 30/9/2022 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Việt D còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Việt D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.682.849 (bảy triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi chín) đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí là 3.264.706 (ba triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm lẻ sáu) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0023149 ngày 12/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Ngân